

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng kinh phí năm 2022
của Ban An toàn giao thông tỉnh.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh về giao dự toán ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng kinh phí chi công tác bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh của Ban ATGT tỉnh năm 2022

Căn cứ Quyết định số 4039/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kinh phí cho Ban An toàn giao thông tỉnh thực hiện thanh toán giá trị KLHT của dự án đầu tư lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến Quốc lộ 1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ; tuyến QL19, QL19B qua địa bàn huyện Tây Sơn; tuyến QL19C (đoạn từ Km 9+770 đến Km 22+900) qua địa bàn huyện Vân Canh và tuyến ĐT.631 và ĐT.636 qua địa bàn thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 586/TTr-STC ngày 23/11/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng kinh phí năm 2022 của Ban An toàn giao thông tỉnh với tổng kinh phí là **42.560,437 triệu đồng** (Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban An toàn giao thông tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thực hiện chi và thanh quyết toán kinh phí theo kế hoạch điều chỉnh và tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Ban An toàn giao thông tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- VP Ban ATGT tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH

sử dụng kinh phí chi thực hiện công tác bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh năm 2022

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Theo Quyết định 121/QĐ-UBND 12/01/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
I	Chi bộ máy hoạt động của Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	754.000.000	0	170.880.000	583.120.000	
II	Chi thực hiện công trình lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tại các điểm đen tai nạn giao thông trên tuyến Quốc lộ 1 qua địa bàn huyện Phù Mỹ; tuyến Quốc lộ 19, 19B qua địa bàn huyện Tây Sơn; tuyến Quốc lộ 19C (đoạn từ Km9+770 đến Km22+900) qua địa bàn huyện Vân Canh và tuyến ĐT.631, ĐT.636 qua địa bàn thị xã An Nhơn (theo Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh)	8.500.000.000	22.498.437.000	0	30.998.437.000	Bổ sung kp năm 2022 theo Quyết định 4039/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh; Hiện công trình đang thực hiện giai đoạn tổng hợp hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định
III	Chi thực hiện công trình Lắp đặt hệ thống camera giám sát, xử lý vi phạm về ATGT và an ninh trật tự tại nút giao Quốc lộ 19 mới, lý trình Km5+40 (Khu biệt thự Đại Phú Gia, thành phố Quy Nhơn)	4.000.000.000	0	477.157.000	3.522.843.000	
IV	Chi hoạt động đảm bảo TT ATGT	6.808.000.000	1.354.273.000	706.236.000	7.456.037.000	Đề xuất điều chỉnh giảm tại mục I, III và IV tổng số tiền 1.354.273.000 đồng để bổ sung tăng số tiền 1.354.273.000 đồng cho các nội dung chi tiết tại mục IV
1	Chi hỗ trợ thành viên Ban, cán bộ chuyên trách, cán bộ kiêm nhiệm giúp việc cho Ban ATGT tỉnh (theo Quyết định số 57/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh)	301.200.000	0	13.000.000	288.200.000	
a	Trưởng ban, Phó Trưởng Ban An toàn giao thông tỉnh : 1.000.000 đồng/người/tháng x 03 người x 12 tháng	36.000.000	0	0	36.000.000	

STT	Nội dung	Theo Quyết định 121/QĐ-UBND 12/01/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
b	Thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh : 700.000 đồng/người/tháng x 21 người x 12 tháng	176.400.000	0	0	176.400.000	
c	Cán bộ chuyên trách Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng x 6 người x 12 tháng	72.000.000	0	13.000.000	59.000.000	
d	Cán bộ kiêm nhiệm Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh : 700.000 đồng/người/tháng x 02 người x 12 tháng	16.800.000	0	0	16.800.000	
2	Chi hoạt động thường xuyên Ban ATGT tỉnh	340.000.000	0	123.000.000	217.000.000	
a	Thanh toán dịch vụ công cộng	100.000.000	0	0	100.000.000	
b	Vật tư văn phòng	40.000.000	0	20.000.000	20.000.000	
c	Thông tin, liên lạc	40.000.000	0	19.000.000	21.000.000	
d	Phụ cấp công tác phí , chi khác	30.000.000	0	5.000.000	25.000.000	
e	Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định	80.000.000	0	60.000.000	20.000.000	
f	Chi hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết công tác công tác bảo đảm TT ATGT	20.000.000	0	15.800.000	4.200.000	
g	Chi phí thường xuyên khác (đăng kiểm xe ô tô Ban, phí đường bộ, bảo hiểm xe ô tô Ban, mua bản quyền Thư viện Pháp luật, phí bảo trì phần mềm kế toán,)	30.000.000	0	3.200.000	26.800.000	
3	Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo đảm TT ATGT (phối hợp tổ chức các hội nghị tập huấn, hội thi, diễn đàn, chuyên đề, chuyên mục chuyên trang tuyên truyền trên phương tiện truyền thông, các website, banroll, áp phích, tờ rơi, biên soạn in ấn tài liệu, trưng bày tranh ảnh,...)	890.000.000	0	170.000.000	720.000.000	
a	Hợp đồng với Đài Phát thanh Truyền hình	180.000.000	0	0	180.000.000	
b	Hợp đồng với Báo Bình Định	80.000.000	0	0	80.000.000	
c	Hợp đồng mua Báo Giao thông	50.000.000	0	0	50.000.000	

STT	Nội dung	Theo Quyết định 121/QĐ-UBND 12/01/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
d	Phối hợp tổ chức phối hợp thực hiện tuyên truyền ATGT với Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối các doanh nghiệp tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh tuyên truyền ATGT 7 đơn vị x 30.000.000 đ/đơn vị	210.000.000	0	0	210.000.000	
e	Phối hợp tổ chức phối hợp thực hiện tuyên truyền ATGT với Tỉnh Đoàn, Sở Giáo dục - Đào tạo, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức các hoạt động ATGT trên địa bàn tỉnh : 4 đơn vị x 50.000.000 đ/đơn vị	200.000.000	0	0	200.000.000	
f	Phối hợp với giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh thực hiện Chương trình phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động "Tăng ni, Phật tử tham gia bảo đảm TT ATGT "	50.000.000	0	50.000.000	0	Vì tình hình dịch COVID19 diễn biến còn phức tạp nên không ký kết chương trình phối hợp
g	Mua sách làm quen với Luật giao thông dành cho khối Tiểu học và THCS để cấp phát cho các Trường Tiểu học và THCS trên địa bàn tỉnh làm tài liệu tuyên truyền ATGT	80.000.000	0	80.000.000	0	Nội dung này năm 2022 chưa thực hiện, đề xuất đưa vào DT 2023 để thực hiện
h	Tham gia các hội thi, các hoạt động do Ủy ban ATGT Quốc Gia phát động	40.000.000	0	40.000.000	0	Vì tình hình dịch COVID19 diễn biến còn phức tạp nên không tham gia trực tiếp
4	Chi thực hiện khắc phục điểm đen, điểm tiềm ẩn có nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh	4.682.000.000	1.262.273.000	237.336.000	5.706.937.000	
a	Lắp đặt bổ sung hệ thống camera giám sát để xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông tại khu vực nút giao Đổng Đa- Hoa Lư, thành phố Quy Nhơn	2.884.266.000	0	230.119.000	2.654.147.000	
b	Lắp dựng giá long môn để chỉ hướng đi, phân làn đường, sơn phân làn trên đường Đổng Đa trước khi đi vào khu vực nút giao; mở dải phân cách giữa trước UBND Phường Thị Nại; cải tạo thu hẹp dải phân cách giữa đường Đổng Đa tại vị trí vào nút giao trước cầu Hà Thanh 1 mới, TP Quy Nhơn	550.000.000	0	7.217.000	542.783.000	

STT	Nội dung	Theo Quyết định 121/QĐ-UBND 12/01/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
c	Thực hiện công trình lắp hệ thống camera giám sát, xử lý vi phạm an toàn giao thông và an ninh trật tự tại nút giao ngã ba đường Hùng Vương (Quốc lộ 19) và đường Điện Biên Phủ, Thành phố Quy Nhơn (văn bản 3224/UBND-KT ngày 09/6/2022 của UBND tỉnh)	1.247.734.000	1.262.273.000	0	2.510.007.000	
5	Chi hỗ trợ cho UBND Huyện Phù Mỹ, UBND Huyện Vân Canh thực hiện việc tổ chức cảnh giới tại các lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn tỉnh (theo Văn bản số 217/TB-UBND ngày 11/10/2017; văn bản số 3597/UBND-KT ngày 21/6/2021 và Văn bản số 4995/UBND-KT ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh)	300.000.000	70.000.000	0	370.000.000	Tăng Chi hỗ trợ lắp đặt 02 chốt trực và lương cảnh giới tháng 10,11,12/2022 tại Km1021+390 và Km1023+550 trên địa bàn P.Hoài Đức, TX Hoài Nhơn theo VB số 4995/UBND-KT ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh
6	Chi khen thưởng Văn phòng Ban ATGT tỉnh và tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động bảo đảm TTATGT theo quy định của pháp luật	90.000.000		83.100.000	6.900.000	Khen thưởng giai đoạn 2020-2022 công tác bảo đảm TT ATGT trên địa bàn tỉnh. Văn phòng chưa tổng hợp và trình Ban thi đua khen thưởng ban hành quyết định kịp trong năm 2022. Đề xuất đưa vào DT 2023 và tổ chức khen thưởng tại cuộc họp tổng kết năm 2022 trong tháng 01/2023
7	Chi thăm hỏi hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết tai nạn giao thông (theo Quyết định số 57/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh)	86.000.000	22.000.000	54.000.000	54.000.000	
a	Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng 5.000.000 đồng/người bị tử vong x 6 người bị tử vong = 30.000.000 đồng 2.000.000 đồng/người bị thương nặng x 12 người bị thương nặng = 24.000.000 đồng	54.000.000		54.000.000	0	
b	Trong dịp Tết Nguyên Đán, Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn 2.000.000 đồng/trường hợp x 27 trường hợp	32.000.000	22.000.000	0	54.000.000	

STT	Nội dung	Theo Quyết định 121/QĐ-UBND 12/01/2022 của UBND tỉnh	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
9	Chi hỗ trợ cao điểm công tác ATGT trong các dịp lễ 30/4, 1/5, 2/9 Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán	90.000.000	0	0	90.000.000	
10	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm dịp lễ 30/4, 1/5, 2/9 Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán	8.000.000	0	5.000.000	3.000.000	
11	Chi khác trong lĩnh vực bảo đảm TT ATGT	20.800.000	0	20.800.000	0	
Tổng cộng		20.062.000.000	23.852.710.000	1.354.273.000	42.560.437.000	

(Bốn mươi hai tỷ, năm trăm sáu mươi triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng./.)